

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 29



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Địa chỉ: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Top One (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân phối Top One được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TOP ONE.,JSC

Trụ sở chính của Công ty: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 là 253.500.000.000 VND (Hai trăm năm mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại sàn Upcom từ ngày 09 tháng 07 năm 2015 với mã giao dịch TOP.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tham gia quản lý và điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội đồng Quản trị			
Ông Định Văn Tạo	Chủ tịch Hội đồng quản trị		27/04/2019
Ông Nguyễn Hữu Khá	Chủ tịch Hội đồng quản trị	27/04/2019	
Ông Đỗ Xuân Long	Thành viên		
Ông Phạm Xuân Thủy	Thành viên		27/04/2019
Bà Mai Thị Tươi	Thành viên		27/04/2019
Ông Nguyễn Thế Trịnh	Thành viên		27/04/2019
Ban Giám đốc			
Ông Nguyễn Thế Trịnh	Giám đốc		
Ông Vũ Hồng Quang	Phó Giám đốc		
Bà Vũ Thị Lan Hương	Phó Giám đốc		
Ban Kiểm soát			
Ông Vũ Văn Hưng	Trưởng Ban kiểm soát		
Ông Phạm Cao Cường	Thành viên		
Bà Nguyễn Thị Nhị Hương	Thành viên		
Kế toán Công ty			
Bà Nguyễn Thị Kim Thành	Kế toán trưởng		

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 nhằm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm và đảm bảo rằng sổ sách kế toán đã được ghi chép phù hợp, phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác liên quan đến quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, luôn thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại diện pháp luật của Công ty,



Nguyễn Hữu Khả

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nam Định, ngày 06 tháng 08 năm 2019

Số: 627/2019/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
của Công ty Cổ phần Phân phối Top One

Kính gửi: Các Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân phối Top One

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân phối Top One (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 08 năm 2019, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 27/04/2019 và Nghị Quyết số 2603/NQ-HDQT ngày 26/03/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà. Trong kỳ Công ty thực hiện mua 1.520.000 cổ phần (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà với giá chuyển nhượng 160.000 đồng/cổ phần. Tổng số tiền đã thanh toán cho khoản đầu tư này là 243.200.000.000 đồng. Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên tại ngày 30/06/2019. Công ty Cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà là công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán Hiện nay, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư vào công ty chưa niêm yết.

Do những hạn chế về thông tin thu thập được và bằng các thủ tục kiểm toán thông thường đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được tính hợp lý cũng như xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các giao dịch, số dư của khoản đầu tư trên, xác định lợi thế thương mại, cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

Kết luận ngoại trừ

Ngoại trừ các điều chỉnh đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mà chúng tôi có thể nhận thấy nếu tình huống nêu tại đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ” không xảy ra, căn cứ trên kết quả soát xét, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được soát xét và Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, Báo cáo soát xét số 268/BCKT-TC phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2018 đưa ra kết luận ngoại trừ và Báo cáo kiểm toán độc lập số 207/BCKT-TC phát hành ngày 01 tháng 04 năm 2019 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



Phan Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

	MS	TM	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.538.359.175	213.524.361.756
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	1.608.903.916	15.431.408.150
1. Tiền	111		1.608.903.916	15.431.408.150
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.650.493.622	182.665.951.968
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	5.413.902.337	11.742.253.942
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	6.900.000.000	141.827.408.700
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.04	-	19.000.000.000
4. Phải thu khác ngắn hạn	136	5.05	4.336.591.285	10.096.289.326
III. Hàng tồn kho	140		13.118.486.104	15.328.552.600
1. Hàng tồn kho	141	5.06	13.118.486.104	15.328.552.600
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		160.475.533	98.449.038
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.07	138.095.319	51.617.120
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.883.495	46.831.918
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.08	5.496.719	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		230.540.894.527	52.345.352.409
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	49.480.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.05	-	49.480.000.000
II. Tài sản cố định	220		2.572.910.129	2.704.015.859
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.09	1.055.013.887	1.155.354.797
- Nguyên giá	222		1.539.545.455	1.539.545.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(484.531.568)	(384.190.658)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	1.517.896.242	1.548.661.062
- Nguyên giá	228		1.661.300.000	1.661.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(143.403.758)	(112.638.938)
III. Tài sản dài hạn khác	260		227.967.984.398	161.336.550
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.07	166.474.339	161.336.550
2. Lợi thế thương mại	269	5.11	227.801.510.059	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		262.079.253.702	265.869.714.165

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

	MS	TM	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		9.794.179.861	11.087.890.131
I. Nợ ngắn hạn	310		9.794.179.861	11.087.890.131
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1.997.835.851	4.491.690.912
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.500.000.000	250.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.08	63.623.343	26.675.552
4. Phải trả người lao động	314		26.473.000	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	6.206.247.667	6.319.523.667
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		252.285.073.841	254.781.824.034
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	252.285.073.841	254.781.824.034
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		253.500.000.000	253.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		253.500.000.000	253.500.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.025.372.998)	1.281.824.034
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.281.824.034	997.386.419
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.307.197.032)	284.437.615
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		810.446.839	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		262.079.253.702	265.869.714.165

Nam Định, ngày 06 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Vũ Thị Hải Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Thành

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Hữu Kha



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

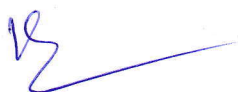
CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	11.463.494.655	36.891.201.433
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.463.494.655	36.891.201.433
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	13.393.207.024	35.862.808.539
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.929.712.369)	1.028.392.894
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	253.276.483	155.376
7. Chi phí tài chính	22	6.04	26.250.000	13.972.603
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>26.250.000</i>	<i>13.972.603</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.05	537.032.500	237.228.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	1.054.580.029	664.431.722
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.294.298.415)	112.915.945
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		535.496	510.000
13. Lợi nhuận khác	40		(535.496)	(510.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.294.833.911)	112.405.945
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.07	12.363.121	22.583.189
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.307.197.032)	89.822.756
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	61		(3.307.197.032)	89.822.756
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.08	(130)	4

Nam Định, ngày 06 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Vũ Thị Hải Yến

Nguyễn Thị Kim Thành

Nguyễn Hữu Khá

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

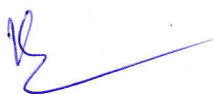
CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(3.294.833.911)	112.405.945
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	131.105.730	127.114.568
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(734.483)	(155.376)
- Chi phí lãi vay	06	26.250.000	13.972.603
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(3.138.212.664)	253.337.740
- Tăng các khoản phải thu	09	146.238.438.625	13.984.056.222
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.926.345.401	450.452.967
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.427.561.492)	(6.416.070.179)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(38.647.742)	(184.901.087)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(26.250.000)	(107.005.843)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(31.695.392)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	145.502.416.736	7.979.869.820
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(39.545.455)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	19.000.000.000	-
3. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	25	(227.805.655.453)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	26	49.480.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	734.483	155.376
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(159.324.920.970)	(39.390.079)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.000.000.000	1.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	1.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(13.822.504.234)	9.440.479.741
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.431.408.150	1.259.099.596
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.608.903.916	10.699.579.337

Nam Định, ngày 06 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Vũ Thị Hải Yến

Nguyễn Thị Kim Thành

Nguyễn Hữu Khá

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân phối Top One được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY;
Tên viết tắt là: TOP ONE.,JSC

Trụ sở chính của Công ty: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 là 253.500.000.000 VND (Hai trăm năm mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại sàn Upcom từ ngày 09 tháng 07 năm 2015 với mã giao dịch TOP.

Điện thoại: 04.6292 8994

Fax: 04.6282 8818

E-mail: topone2307@gmail.com

Website: http://toponejsc.com

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính: Kinh doanh thương mại; Bán buôn tổng hợp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2019, Công ty có các công ty con như sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết
I	Công ty con			
1	Công ty Cổ phần chế biến Rau củ quả và Thảo dược Nam Hà	Công ty tại Đội 9, Xã Nam Điền, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.	Bán buôn tổng hợp; Bán buôn đồ uống; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác trong các cửa hàng chuyên doanh.	95%

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Ngoài ra Công ty còn định kỳ lập báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Kỳ kế toán trong Báo cáo này là từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được hợp nhất từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần của Công ty con hợp nhất trong kỳ hoạt động được xác định và loại trừ ra khỏi thu nhập của Công ty để tính lãi, hoặc lỗ thuần có thể được xác định cho những đối tượng sở hữu Công ty mẹ;

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát của Công ty được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

M.S.D.N
H. NG

C.P. H.N

19/0
TY
H
JAMA
NA
31

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán về Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 16 - Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định trong điều lệ và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

57
TY
AN
HON
NE
TN
: 0
DNC
NH
MT
/IE
N

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.600.463.740	554.568.507
Tiền gửi ngân hàng	8.440.176	14.876.839.643
Cộng	1.608.903.916	15.431.408.150

5.02 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công Ty TNHH Dịch vụ Nam Vũ	300.082.838	550.007.838
Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Đức Bảo	1.702.623.076	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Mê Kông Miền Bắc	-	2.685.143.868
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Đất vàng Việt Nam	-	2.685.364.572
Công ty Cổ phần Dịch vụ Top One	-	5.117.712.461
Công ty TNHH cung cấp thực phẩm An Phát	3.243.636.170	-
Phải thu khách hàng khác	167.560.253	704.025.203
Cộng	5.413.902.337	11.742.253.942

5.03 Trả trước người bán ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty cổ phần Đông dược Cao Bằng	-	2.573.569.000
Ông Đinh Văn Tạo	-	10.000.000.000
Bà Mạc Thị Hoa	-	7.000.000.000
Ông Nguyễn Tiến Thành	-	29.964.832.000
Ông Nguyễn Hữu Khả	-	15.200.000.000
Ông Triệu Tiến Duẩn	-	20.000.000.000
Ông Vũ Minh Chính	-	57.054.000.000
Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai (*)	6.900.000.000	-
Các đối tượng khác	-	35.007.700
Cộng	6.900.000.000	141.827.408.700

(*): Khoản trả trước theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 01/HĐMBBĐS/LC-DNH/2019) ngày 26/03/2019 giữa Công ty TNHH MTV Duyên hải Lào Cai và Công ty CP Chế biến rau củ quả Nam Hà. Tài sản chuyển nhượng là Khách sạn Holiday 7 tầng trên nền thửa đất số 00 từ bản đồ số 89, diện tích 10.232m²; địa chỉ Lô đất kẹp giữa đường Duyên hải (T1) với đường T2, phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Lào Cai; 2 bên đã lập vi bằng ngày 19/06/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.05 Phải thu khác

Đơn vị: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	4.336.591.285	-	10.096.289.326	-
Phải thu tạm ứng	-	-	10.000.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	87.700.285	-	87.700.285	-
Công ty Cp Từ và xây dựng VFCC	-	-	8.589.041	-
Ông Nguyễn Hữu Khả	248.891.000	-	-	-
Ông Nguyễn Xuân Bắc	4.000.000.000	-	-	-
Dài hạn	-	-	49.480.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Khách sạn và du lịch Nghệ Tĩnh (*)	-	-	49.480.000.000	-
Cộng	4.336.591.285	-	59.576.289.326	-

(*): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/HTKD/TOP-DLHT ngày 28/12/2018, hợp tác xây dựng và kinh doanh dự án "Khách sạn và trung tâm thương mại VFCC" tại phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 28/12/2018 đến ngày 31/12/2065. Công ty Cổ phần Phân phối Top One sẽ góp 79.161.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 04/04/2019, hai bên thực hiện thanh lý hợp đồng theo Biên bản thanh lý hợp đồng số TL01/2018/HĐKD/TOP-DLHT, Công ty Cổ phần Phân phối Top One thu hồi lại phần vốn góp hợp tác kinh doanh do thay đổi kế hoạch kinh doanh

5.06 Hàng tồn kho

Đơn vị: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	13.118.486.104	-	15.328.552.600	-
Cộng	13.118.486.104	-	15.328.552.600	-

5.07 Chi phí trả trước

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	138.095.319	51.617.120
Công cụ dụng cụ	52.968.246	2.405.301
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	85.127.073	49.211.819
Chi phí trả trước dài hạn	166.474.339	161.336.550
Công cụ dụng cụ	166.474.339	161.336.550
Cộng	304.569.658	212.953.670

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.08 Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

Đơn vị: VND

Nội dung	01/01/2019		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2019	
	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu
Thuế giá trị gia tăng	-	-	272.850	-	272.850	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.835.552	-	44.411.614	31.695.392	32.048.493	5.496.719
Thuế thu nhập cá nhân	12.840.000	-	66.889.500	48.427.500	31.302.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	-	3.535.496	3.535.496	-	-
Cộng	26.675.552	-	115.109.460	83.658.388	63.623.343	5.496.719

5.09 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.500.000.000	39.545.455	1.539.545.455
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2019	1.500.000.000	39.545.455	1.539.545.455
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2019	375.000.000	9.190.658	384.190.658
Tăng trong kỳ	93.750.000	6.590.910	100.340.910
Khấu hao trong kỳ	93.750.000	6.590.910	100.340.910
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2019	468.750.000	15.781.568	484.531.568
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2019	1.125.000.000	30.354.797	1.155.354.797
Tại ngày 30/06/2019	1.031.250.000	23.763.887	1.055.013.887

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.10 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.661.300.000	1.661.300.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2019	<u>1.661.300.000</u>	<u>1.661.300.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	112.638.938	112.638.938
Tăng trong kỳ	30.764.820	30.764.820
Khấu hao trong kỳ	30.764.820	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2019	<u>143.403.758</u>	<u>143.403.758</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2010	<u>1.548.661.062</u>	<u>1.548.661.062</u>
Tại ngày 30/06/2019	<u>1.517.896.242</u>	<u>1.517.896.242</u>

5.11 Lợi thế thương mại

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Lợi thế thương mại	227.801.510.059	-
Cộng	<u>227.801.510.059</u>	<u>-</u>

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Gia Nguyễn Hà Nội	-	-	3.180.148.910	3.180.148.910
Công ty cổ phần dịch vụ Top One	1.913.688.701	1.913.688.701	1.309.542.002	1.309.542.002
Công ty CP Đông Dược Ninh Bình	-	-	2.000.000	2.000.000
Công ty cổ phần Đông dược Cao Bằng	84.147.150	84.147.150	-	-
Cộng	<u>1.997.835.851</u>	<u>1.997.835.851</u>	<u>4.491.690.912</u>	<u>4.491.690.912</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5.13 Người mua trả trước ngắn hạn**

	<u>30/06/2019</u> VND	<u>01/01/2019</u> VND
Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Dịch Vụ Minh Hải	1.500.000.000	-
Công ty CP Hoa Đạm	-	250.000.000
Cộng	<u>1.500.000.000</u>	<u>250.000.000</u>

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	<u>30/06/2019</u> VND	<u>01/01/2019</u> VND
Kinh phí công đoàn	3.790.667	1.898.667
Bảo hiểm xã hội	3.850.500	-
Bảo hiểm y tế	679.500	-
Bảo hiểm thất nghiệp	302.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.197.625.000	6.317.625.000
Cộng	<u>6.206.247.667</u>	<u>6.319.523.667</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI
TOP ONE
KIỂM TOÁN
ĐƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.15. Vốn Chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn Chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018				
Số dư tại 01/01/2018	253.500.000.000	997.386.409	-	254.497.386.409
Tăng trong kỳ	-	89.822.756	-	89.822.756
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	89.822.756	-	89.822.756
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2018	<u>253.500.000.000</u>	<u>1.087.209.165</u>	-	<u>254.587.209.165</u>
Kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019				
Số dư tại 01/01/2019	253.500.000.000	1.281.824.034	-	254.781.824.034
Tăng trong kỳ	-	(3.307.197.032)	810.446.839	(2.496.750.193)
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	(3.307.197.032)	810.446.839	(2.496.750.193)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2019	<u>253.500.000.000</u>	<u>(2.025.372.998)</u>	<u>810.446.839</u>	<u>252.285.073.841</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	30/06/2019		01/01/2019	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Vốn góp của các cổ đông	25.350.000	100,00%	25.350.000	100,00%
Cộng	<u>25.350.000</u>	<u>100,00%</u>	<u>25.350.000</u>	<u>100,00%</u>

c. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	253.500.000.000	253.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	253.500.000.000	253.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia, trích lập các quỹ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	30/06/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.350.000	25.350.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

19/7
EY
H
ÁN
NAN
01-7

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.463.494.655	36.891.201.433
Cộng	11.463.494.655	36.891.201.433
6.02 Giá vốn hàng bán	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	13.393.207.024	35.862.808.539
Cộng	13.393.207.024	35.862.808.539
6.03 Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lãi tiền gửi	734.483	155.376
Doanh thu hoạt động tài chính khác	252.542.000	-
Cộng	253.276.483	155.376
6.04 Chi phí tài chính	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lãi tiền vay	26.250.000	13.972.603
Cộng	26.250.000	13.972.603



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**6.05 Chi phí bán hàng**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	536.132.500	237.228.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	900.000	-
Cộng	537.032.500	237.228.000

6.06 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	253.500.000	242.511.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	168.489.895	143.702.234
Chi phí khấu hao TSCĐ	131.105.730	127.114.568
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	334.978.314	16.948.272
Chi phí bằng tiền khác	163.506.090	131.155.648
Cộng	1.054.580.029	664.431.722

6.07 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.294.833.911)	112.405.945
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	61.815.605	510.000
Thu nhập chịu thuế	(3.233.018.306)	112.915.945
Thuế TNDN phải nộp	12.363.121	22.583.189
Thuế TNDN phải nộp 20%	12.363.121	22.583.189
Thuế TNDN phải nộp	12.363.121	22.583.189

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**6.08 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lợi nhuận phân phối cho công ty mẹ	(3.307.197.032)	89.822.756
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.307.197.032)	89.822.756
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	25.350.000	25.350.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(130)</u>	<u>4</u>

7. THÔNG TIN KHÁC**7.01 Công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.608.903.916	15.431.408.150
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.750.493.622	71.318.543.268
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Tổng cộng	<u>11.359.397.538</u>	<u>86.749.951.418</u>
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	8.204.083.518	10.811.214.579
Chi phí phải trả	-	-
Tổng cộng	<u>8.204.083.518</u>	<u>10.811.214.579</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá trị cổ phiếu đầu tư mua của Công ty chưa niêm yết được ghi nhận theo mệnh giá đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN*****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa nguyên liệu đầu vào, tỷ giá hối đoái, lãi suất và các chủ trương chính sách của Nhà Nước.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Khách hàng Công ty là đối tác trong nước, do đó Công ty sẽ ít gặp phải rủi ro đáng kể khi tỷ giá có sự biến động.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn, dài hạn và vay các các nhân theo hợp đồng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính bằng 0. Do đó Công ty sẽ ít gặp phải rủi ro về lãi suất khi có sự điều chỉnh lãi suất trên thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi có khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thoả thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	30/06/2019		
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.608.903.916	-	1.608.903.916
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.750.493.622	-	9.750.493.622
Cộng	11.359.397.538	-	11.359.397.538
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	8.204.083.518	-	8.204.083.518
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	8.204.083.518	-	8.204.083.518
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.155.314.020	-	3.155.314.020

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN****7.02 Thông tin về các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan:*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Thành viên HĐQT và Ban Giám đốc	Bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Mua cổ phần		
Ông Nguyễn Hữu Khá	243.200.000.000	-
Thu tiền cho vay		
Ông Đinh Văn Tạo	19.000.000.000	-

Tại ngày 30/06/2019, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Cho vay		
Ông Đinh Văn Tạo	-	19.000.000.000
Trả trước người bán		
Ông Đinh Văn Tạo	-	10.000.000.000
Ông Nguyễn Hữu Khá	-	15.200.000.000

Thu nhập HĐQT và Ban Giám đốc và các khoản phúc lợi khác

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Tổng thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	108.360.000	103.296.000